

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2025

V/v: “*Tranh chấp xác định cha cho con*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Lương** – Bà **Nguyễn Thị Cúc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trâm** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp xác định cha cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn T** - sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn H, xã C, TP Hà Nội. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị T1** - Sinh năm 1991. Địa chỉ: K Ông Í, tổ E, phường H, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Hoàng Anh N** – sinh năm 1989; Địa chỉ: K N, phường A, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Khoảng tháng 02/2023 ông **Đỗ Văn T** và bà **Lê Thị T1** quen nhau và bắt đầu nảy sinh tình cảm. Sau thời gian yêu nhau, khoảng tháng 01/2024, bà **Lê Thị T1** mang thai.

Đến ngày 02/11/2024, bà **Lê Thị T1** sinh được một bé gái tại Trung tâm Y tế Quận H, TP Đà Nẵng và dự định đặt tên bé là A, theo giấy chứng sinh số 00160,

quyền số: 2, do Trung tâm Y tế Quận H, TP Đà Nẵng cấp ngày 02/11/2024. Qua kết quả giám định ADN xác định cháu là con của ông Đỗ Văn T.

Trước đó, ông Đỗ Văn T có mong muốn cùng bà Lê Thị T1 tiến hành đăng ký kết hôn để thuận tiện cho việc khai sinh cho con. Tuy nhiên, bà Lê Thị T1 và chồng cũ của chị (anh Lê Hoàng Anh N) đến 27/12/2024 mới được Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng quyết định cho ly hôn theo số: 125/2024/QĐCNTTLH. Đến thời điểm hiện nay cháu bé vẫn chưa được làm giấy khai sinh và tại quyết định của Tòa án nhân dân quận T không đề cập đến cháu là con chung của bà Lê Thị T1 và anh N. Điều này làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền làm cha của ông Đỗ Văn T cũng như quyền và lợi ích của con ông Đỗ Văn T sau này.

Do đó, ông Đỗ Văn T khởi kiện, đề nghị Tòa án xác định cháu gái – sinh vào lúc 17 giờ 05 phút ngày 02/11/2024 theo Giấy chứng sinh tại Trung tâm y tế quận H, TP Đà Nẵng cấp cho bà Lê Thị T1 – sinh năm 1991 ngày 02/11/2024 là con của ông Đỗ Văn T.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là bà Lê Thị T1 trình bày:

Bà Lê Thị T1 và chồng cũ là ông Lê Hoàng Anh N kết hôn năm 2010, không sống chung từ năm 2019. Đến khoảng tháng 02/2023 bà Lê Thị T1 và ông Đỗ Văn T quen nhau và bắt đầu nảy sinh tình cảm. Sau thời gian yêu nhau, khoảng tháng 01/2024 thì bà Lê Thị T1 mang thai và đến ngày 02/11/2024 thì bà T1 sinh được một bé gái tại Trung tâm Y tế Quận H, TP Đà Nẵng theo giấy chứng sinh số 00160, quyền số: 2, do Trung tâm Y tế Quận H, TP Đà Nẵng cấp ngày 02/11/2024. Tại giấy chứng sinh tên mẹ là Lê Thị T1 và tên cha là Đỗ Văn T.

Đến 27/12/2024, bà Lê Thị T1 và ông Lê Hoàng Anh N mới được Tòa án nhân dân Quận T, TP Đà Nẵng quyết định cho ly hôn theo số: 125/2024/QĐCNTTLH. Đến thời điểm hiện nay cháu bé vẫn chưa được làm giấy khai sinh và tại quyết định của Tòa án nhân dân quận T không đề cập đến cháu là con chung của bà Lê Thị T1 và ông Lê Hoàng Anh N. Qua kết quả giám định ADN xác định cháu là con của ông Đỗ Văn T thì bà Lê Thị T1 thống nhất.

Nay ông T khởi kiện, yêu cầu xác định cháu gái – sinh vào lúc 17 giờ 05 phút ngày 02/11/2024 theo Giấy chứng sinh tại Trung tâm y tế quận H, TP Đà Nẵng cấp cho bà Lê Thị T1 – sinh năm 1991 ngày 02/11/2024 là con của ông Đỗ Văn T thì bà Lê Thị T1 thống nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hoàng Anh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải

quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS; mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham dự phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ông Đỗ Văn T là cha đẻ của cháu bé (dự tính đặt tên là Đỗ Ngọc A) do bà Lê Thị T1 sinh ngày 02/11/2024 theo giấy chứng sinh số 00160, quyền số 2 do Trung tâm y tế quận H cấp ngày 02/11/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về xác định cha cho con giữa nguyên đơn ông Đỗ Văn T với bị đơn bà Lê Thị T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là ông Đỗ Văn T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng Anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Lê Hoàng Anh N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Đỗ Văn T và ông Lê Hoàng Anh N.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T đối với bà Lê Thị T1 thì thấy:

Theo như nguyên đơn là ông Đỗ Văn T và bị đơn là bà Lê Thị T1 trình bày thì bà Lê Thị T1 và ông Lê Hoàng Anh N kết hôn năm 2010 nhưng đến năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn nên không sống chung. Trong thời gian không sống chung thì bà Lê Thị T1 nảy sinh tình cảm với ông Đỗ Văn T và sinh được một người con (dự tính đặt tên là Đỗ Ngọc Á) vào ngày 02/11/2024 (Theo giấy chứng sinh số 00160, quyền số 2

do Trung tâm y tế quận H cấp ngày 02/11/2024). Bà Lê Thị T1 và chồng là ông Lê Hoàng Anh N hiện nay đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại tòa án số 125/2024/QĐCNTTLH ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân quận T, TP Đà Nẵng. Hiện nay cháu bé do bà Lê Thị T1 sinh ngày 02/11/2024 (dự tính đặt tên là Đỗ Ngọc A) vẫn chưa được khai sinh và không được đề cập tại quyết định ly hôn của Tòa án nhân dân quận T, TP Đà Nẵng.

HĐXX xét thấy, theo phiếu kết quả xét nghiệm ADN số DNG.7925 của Công ty TNHH G kết luận: Đỗ Văn T có quan hệ huyết thống cha – con với Đỗ Ngọc A, độ tin cậy >99.9999%. Như vậy, lời khai của ông Đỗ Văn T và bà Lê Thị T1 hoàn toàn phù hợp với kết quả xét nghiệm ADN. Do đó, việc ông Đỗ Văn T yêu cầu Tòa án xác định ông là cha đẻ của cháu bé sinh do bà Lê Thị T1 sinh ngày 02/11/2024 (Theo giấy chứng sinh số 00160, quyển số 2 do Trung tâm y tế quận H cấp ngày 02/11/2024) là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 89, 91, 101 và 102 Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu khởi kiện của ông là có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông Đỗ Văn T chịu.

[5] Chi phí tố tụng: Chi phí giám định ADN là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) ông Đỗ Văn T chịu (đã tạm ứng và đã chi xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp xác định cha cho con” của ông Đỗ Văn T đối với bà Lê Thị T1.

Ông Đỗ Văn T – sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn H, xã C, TP Hà Nội, căn cước công dân số 001090036857 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/3/2021 là cha đẻ của cháu bé do bà Lê Thị T1 sinh ngày 02/11/2024 (dự tính

đặt tên là Đỗ Ngọc A) theo giấy chứng sinh số 00160, quyền số 2 do Trung tâm y tế quận H cấp ngày 02/11/2024.

Ông Đỗ Văn T, bà Lê Thị T1 có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành việc đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật.

II. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông Đỗ Văn T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005253 ngày 11.3.2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn T2 đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

III. Chi phí tố tụng: Chi phí giám định ADN là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) ông Đỗ Văn T tự nguyện chịu (đã tạm ứng và đã chi xong).

IV. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực I – Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực I – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh